

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 42/2002/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2002

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Nhằm tăng cường và tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Những quy định chung

Điều 1. Chương trình mục tiêu quốc gia là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ về kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, môi trường, cơ chế, chính sách, tổ chức để thực hiện một hoặc một số mục tiêu đã được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước trong một thời gian nhất định.

Một chương trình mục tiêu quốc gia gồm nhiều dự án khác nhau để thực hiện các mục tiêu của chương trình. Đối tượng quản lý và kế hoạch hóa được xác định theo chương trình, việc đầu tư được thực hiện theo dự án.

Điều 2. Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia là một tập hợp các hoạt động để tiến hành một công việc nhất định nhằm đạt được một hay nhiều mục tiêu cụ thể đã được định rõ trong chương trình với nguồn lực và thời hạn thực hiện được xác định.

Điều 3. Tiêu chuẩn lựa chọn chương trình mục tiêu quốc gia.

1. Các vấn đề được chọn để giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia phải là những vấn đề có tính cấp bách, liên ngành, liên vùng và có tầm quan trọng đối với

sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước, cần phải được tập trung nguồn lực và sự chỉ đạo của Chính phủ để giải quyết.

2. Mục tiêu của chương trình mục tiêu quốc gia phải rõ ràng, lượng hóa được và phải nằm trong chiến lược chung của quốc gia.

3. Thời gian thực hiện chương trình phải được quy định giới hạn, thường là 5 năm, hoặc phân kỳ thực hiện cho từng giai đoạn 5 năm.

4. Các vấn đề xã hội mà Chính phủ Việt Nam cam kết với quốc tế thực hiện theo chương trình chung của thế giới hoặc khu vực.

Điều 4. Nội dung chương trình mục tiêu quốc gia:

1. Thực trạng tình hình của lĩnh vực thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; những vấn đề cấp bách cần được giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Phạm vi, quy mô và mục tiêu chung của chương trình; các chỉ tiêu cơ bản phải đạt được trong từng khoảng thời gian cụ thể; các dự án của chương trình.

3. Tổng mức kinh phí của chương trình bao gồm cả kinh phí cho việc xử lý các vấn đề về khoa học, công nghệ (nếu có), mức kinh phí theo từng năm, phương thức huy động các nguồn vốn.

4. Cơ chế, chính sách thực hiện chương trình.

5. Yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực thực hiện chương trình.

6. Những vấn đề về khoa học, công nghệ cần xử lý (nếu có).

7. Hiệu quả kinh tế - xã hội chung của chương trình và của từng dự án.

8. Khả năng lồng ghép với các chương trình khác.

9. Kế hoạch, tiến độ tổ chức thực hiện chương trình, dự án.

10. Hợp tác quốc tế (nếu có).

11. Kế hoạch và thông số kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chương trình.

II. Xây dựng, thẩm định, phê duyệt, báo cáo kết quả

thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia

Điều 5. Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ của chiến lược 10 năm, kế hoạch 5 năm, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương đề xuất các vấn đề xã hội bức xúc cần được giải quyết bằng chương trình mục tiêu quốc gia.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương liên quan lựa chọn, lập danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia và dự kiến cơ quan quản lý chương trình, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội thông qua danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 6. Cơ quan được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương liên quan tổ chức xây dựng nội dung chương trình và các dự án.

Việc xây dựng chương trình, dự án được tiến hành vào thời kỳ xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm.

Điều 7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương liên quan tổ chức thẩm định các chương trình mục tiêu quốc gia và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thời gian thẩm định các chương trình mục tiêu quốc gia không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Việc thẩm định, phê duyệt các dự án thuộc chương trình thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 8. Khi xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm, nếu các điều kiện cân đối hoặc mục tiêu chương trình có thay đổi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính và cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, trình Chính phủ điều chỉnh chương trình mục tiêu quốc gia theo các nội dung cụ thể sau:

1. Đánh giá phần chương trình đã thực hiện.
2. Luận chứng về sự cần thiết và lý do điều chỉnh.
3. Nội dung điều chỉnh (bao gồm cả mục tiêu, nhiệm vụ và kinh phí của chương trình).
4. Ảnh hưởng của những điều chỉnh đó đối với mục tiêu cuối cùng của chương trình và hiệu quả của việc điều chỉnh.

Điều 9.

1. Bộ, ngành, cơ quan Trung ương tham gia quản lý và thực hiện dự án của chương trình mục tiêu quốc gia và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hàng quý và hàng năm) tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia (mục tiêu, nhiệm vụ, kinh phí, cơ chế, chính sách, v.v...); báo cáo giữa kỳ đối với chương trình mục tiêu quốc gia có thời hạn 5 năm; báo cáo tổng kết khi kết thúc chương trình mục tiêu quốc gia, theo mẫu biểu quy định.

Các báo cáo trên gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hàng quý và hàng năm) tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; báo cáo giữa kỳ đối với các chương trình mục tiêu quốc gia có thời hạn 5 năm; báo cáo tổng kết khi kết thúc chương trình mục tiêu quốc gia.

Các báo cáo trên gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (hàng quý và hàng năm), tình hình và kết quả thực hiện giữa kỳ và kết thúc các chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

III. Cơ chế tài chính đối với chương trình mục tiêu quốc gia

Điều 10. Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ, mục tiêu của các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đề xuất mức cân đối ngân sách cho chương trình mục tiêu quốc gia để Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội thông qua.

Điều 11. Căn cứ vào mức ngân sách được cấp có thẩm quyền thông báo cho từng chương trình, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia dự kiến phân bổ kinh phí của chương trình cho từng Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương, gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách của Bộ, ngành, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 12. Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia được cân đối trong dự toán chi ngân sách Trung ương do Bộ Tài chính cấp trực tiếp cho các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương để thực hiện nhiệm vụ của chương trình do Trung ương quản lý và cấp bổ sung có mục tiêu cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện các nhiệm vụ của chương trình do địa phương quản lý.

Việc quản lý chi tiêu và quyết toán kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật và các văn bản pháp quy liên quan khác của Chính phủ.

Điều 13. Để thực hiện các mục tiêu của chương trình, ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, cần huy động thêm vốn tín dụng trong và ngoài nước, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng để thực hiện chương trình.

Đối với nguồn vốn huy động được từ nhân dân, cơ quan quản lý chương trình mục tiêu quốc gia và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi thực hiện chương trình) được sử dụng vào các công việc thuộc nội dung chương trình, nhưng phải quản lý và thanh toán, quyết toán theo các quy định hiện hành.

IV. Phân công, phân cấp quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia

Điều 14. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ:

1. Làm đầu mối để giúp Chính phủ quản lý và điều hành các chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Căn cứ vào phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và 10 năm của Nhà nước và đề xuất của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương, chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính lựa chọn, lập danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia và dự kiến cơ quan quản lý chương trình, trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội danh mục các chương trình mục tiêu quốc gia.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương liên quan tổ chức thẩm định các chương trình mục tiêu quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.